

THÔNG BÁO GIÁ BÁN ĐIỆN MỚI

Căn cứ thông báo số 50/TB-VPCP ngày 12/02/2010 của Văn phòng Chính Phủ về đề án giá điện năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 08/2010/TT-BCT ngày 24/02/2010 của Bộ Công Thương về việc quy định giá bán điện năm 2010 và hướng dẫn thực hiện,

Để thực hiện đúng hướng dẫn của Thông tư số 08/2010/TT-BCT ngày 24/02/2010 về qui định giá bán điện mới có hiệu lực kể từ ngày **01/03/2010**, Công ty Điện lực TP.HCM trân trọng thông báo đến quý khách hàng sử dụng điện trên địa bàn TP.HCM, như sau:

- Bãi bỏ công văn số 8527/BCT-ĐTĐL ngày 28/08/2009 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện giảm giá điện giờ cao điểm.

- Ngày 01/03/2010, Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tổ chức chốt chỉ số của toàn bộ điện kế đang vận hành trên lưới (trừ các điện kế bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt).

- Kể từ ngày 01/03/2010, Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biểu giá bán điện mới như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG GIÁ	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ BÁN ĐIỆN CHƯA CÓ THUẾ GTGT
1	Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất:		
1.1	<i>Cấp điện áp từ 110 kV trở lên</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	898
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	496
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.758
1.2	<i>Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	935
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	518
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.825
1.3	<i>Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	986
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	556
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.885
1.4	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>		

	a) Giờ bình thường	đ/kWh	1.023
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	589
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.938
2	Giá bán lẻ điện cho bơm nước tưới tiêu:		
2.1	<i>Cấp điện áp từ 6 kV trở lên</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	690
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	281
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.269
2.2	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	717
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	292
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.331
3	Giá bán lẻ điện cho các đối tượng hành chính, sự nghiệp:		
3.1	<i>Bệnh viện, nhà trẻ, mẫu giáo, trường phổ thông:</i>		
	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	đ/kWh	1.009
	Cấp điện áp dưới 6 kV	đ/kWh	1.063
3.2	<i>Chiếu sáng công cộng:</i>		
	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	đ/kWh	1.124
	Cấp điện áp dưới 6 kV	đ/kWh	1.177
3.3	<i>Đơn vị hành chính, sự nghiệp:</i>		
	Cấp điện áp từ 6 kV trở lên	đ/kWh	1.159
	Cấp điện áp dưới 6 kV	đ/kWh	1.207
4	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh:		
4.1	<i>Cấp điện áp từ 22 kV trở lên</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	1.648
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	902
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	2.943
4.2	<i>Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	1.766
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	1.037
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	3.028
4.3	<i>Cấp điện áp dưới 6 kV</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	1.846
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	1.065
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	3.193
5	Giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang:		
	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	600
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	1.004
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	1.214

	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.594
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.722
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.844
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.890
6	Giá bán buôn điện nông thôn:		
6.1	<i>Giá bán buôn điện sinh hoạt nông thôn:</i>		
	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	432
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	753
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	886
	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.227
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.326
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.420
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.455
6.2	<i>Giá bán buôn điện sử dụng cho bơm nước tưới tiêu tại điện kế tổng mua buôn điện nông thôn</i>	đ/kWh	703
6.3	<i>Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác tại điện kế tổng mua buôn điện nông thôn</i>	đ/kWh	1.010
7	Giá bán buôn điện cho khu tập thể, cụm dân cư:		
7.1	<i>Giá bán buôn điện sinh hoạt cho khu tập thể, cụm dân cư:</i>		
	Thành Phố, thị xã:		
	<i>a) Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư</i>		
	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	522
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	889
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	1.062
	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.419
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.533
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.641
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.682
	<i>b) Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư</i>		
	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	540
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	914
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	1.099
	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.466
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.584
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.696
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.739
	Thị trấn, huyện lỵ		
	<i>a) Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư</i>		

	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	489
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	843
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	1.008
	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.331
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.438
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.540
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.578
	<i>b) Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư</i>		
	Cho 50 kWh đầu tiên	đ/kWh	507
	Cho kWh từ 51 đến 100	đ/kWh	863
	Cho kWh từ 101 đến 150	đ/kWh	1.032
	Cho kWh từ 151 đến 200	đ/kWh	1.379
	Cho kWh từ 201 đến 300	đ/kWh	1.490
	Cho kWh từ 301 đến 400	đ/kWh	1.595
	Cho kWh từ 401 trở lên	đ/kWh	1.635
7.2	<i>Giá bán buôn điện sử dụng cho các mục đích khác của khu tập thể, cụm dân cư:</i>		
7.2.1	Thành Phố (trừ nhà chung cư cao tầng tại thành phố và khu đô thị mới), thị xã, thị trấn, huyện lỵ (không phân biệt cấp điện áp)	đ/kWh	1.020
7.2.2	Nhà chung cư cao tầng tại thành phố và các khu đô thị mới:		
	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	đ/kWh	1.574
	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	đ/kWh	1.687
	Cấp điện áp dưới 6 kV	đ/kWh	1.763
8	Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp tại thanh cái 110kV		
8.1	<i>Công suất Máy biến áp lớn hơn 100 MVA</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	875
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	483
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.714
8.2	<i>Công suất Máy biến áp từ 50MVA đến 100 MVA</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	871
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	479
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.706
8.3	<i>Công suất Máy biến áp nhỏ 50 MVA</i>		
	a) Giờ bình thường	đ/kWh	859
	b) Giờ thấp điểm	đ/kWh	473
	c) Giờ cao điểm	đ/kWh	1.686

Giá bán được qui định theo thời gian sử dụng trong ngày như sau:

1. Giờ bình thường:

a. Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy:

- Từ 04 giờ 00 đến 9 giờ 30 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 11 giờ 30 đến 17 giờ 00 (05 giờ và 30 phút);
- Từ 20 giờ 00 đến 22 giờ 00 (02 giờ).

b. Ngày Chủ nhật:

Từ 04 giờ 00 đến 22 giờ 00 (18 giờ).

2. Giờ cao điểm:

a. Gồm các ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy:

- Từ 09 giờ 30 đến 11 giờ 30 (02 giờ);
- Từ 17 giờ 00 đến 20 giờ 00 (03 giờ).

b. Ngày Chủ nhật: không có giờ cao điểm.

3. Giờ thấp điểm:

Tất cả các ngày trong tuần: từ 22 giờ 00 đến 04 giờ 00 sáng ngày hôm sau (06 giờ).

Trường hợp có thay đổi mục đích sử dụng điện dẫn đến thay đổi mức giá, đề nghị Quý khách hàng thông báo cho ngành Điện trước 15 ngày để điều chỉnh theo đúng đối tượng áp giá.

Khi có thay đổi chủ hộ sử dụng điện, đề nghị Quý khách hàng liên hệ với Điện lực khu vực để lập thủ tục ký lại hợp đồng mua bán điện.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO